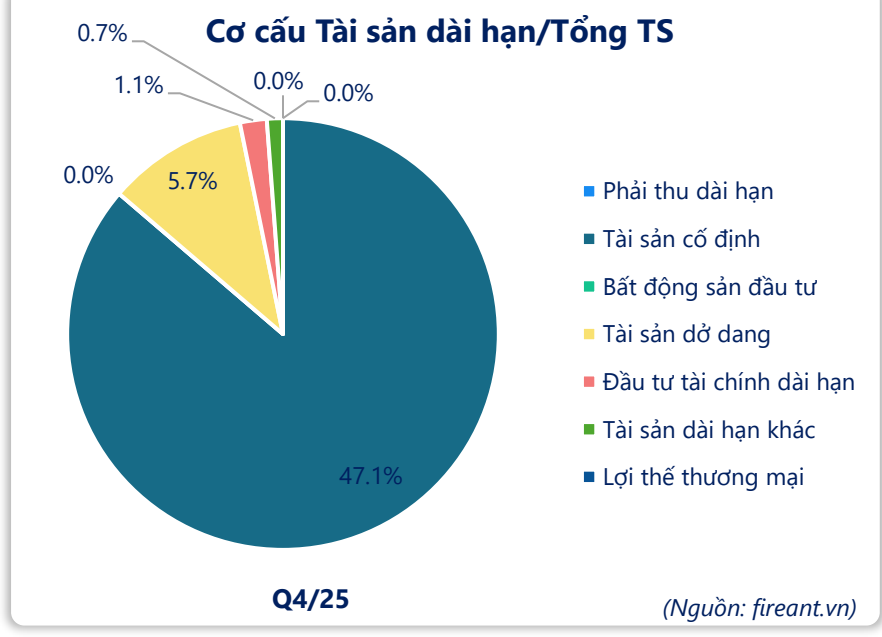
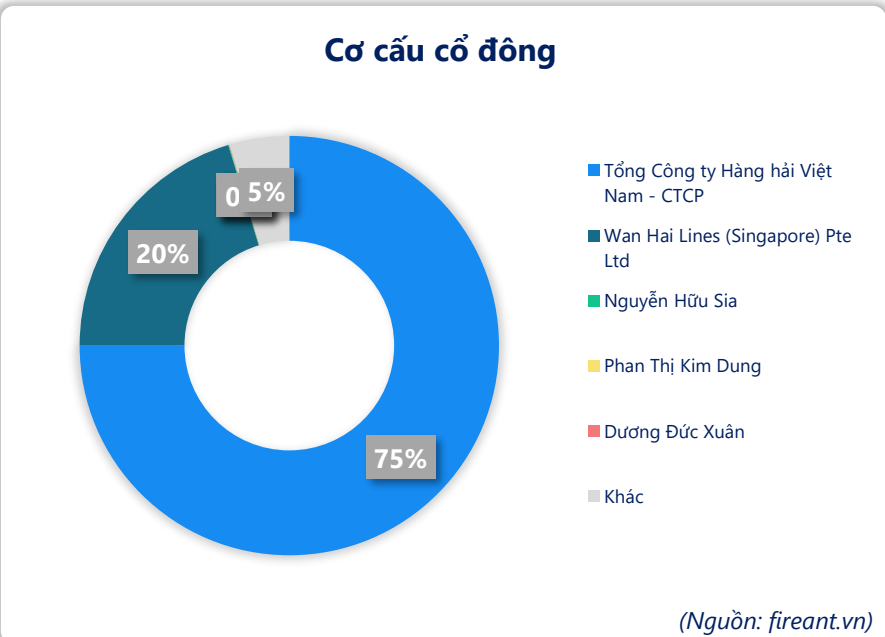
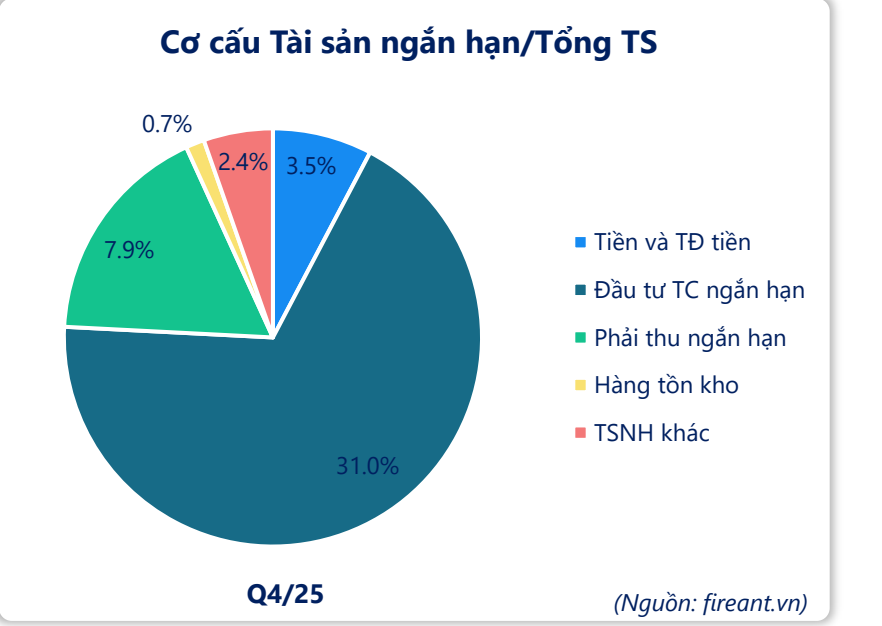
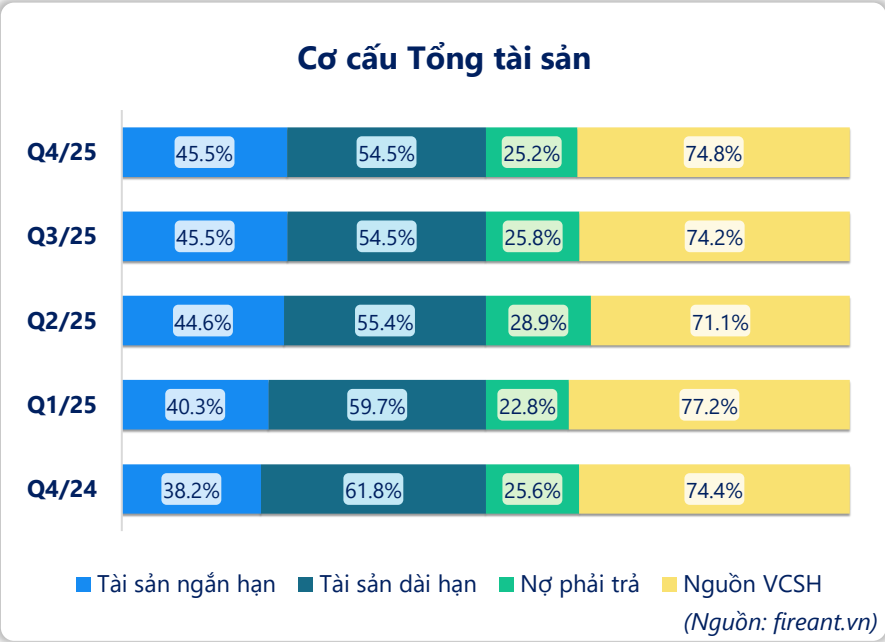
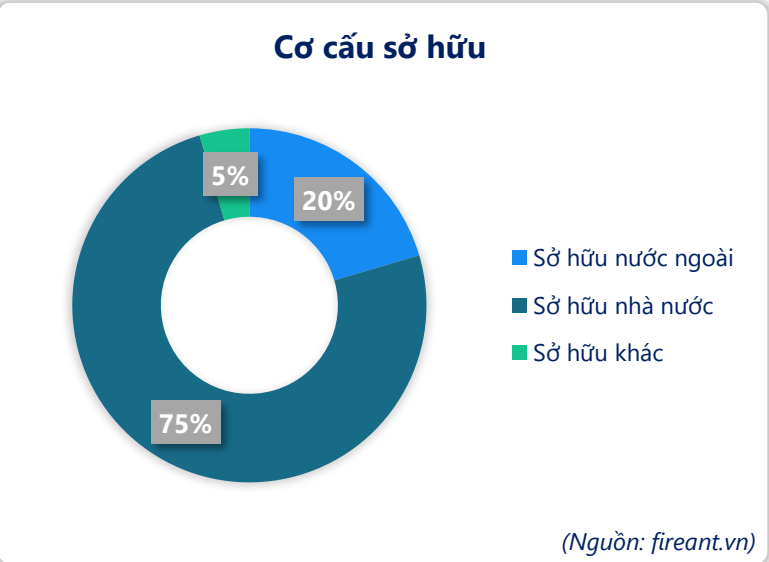
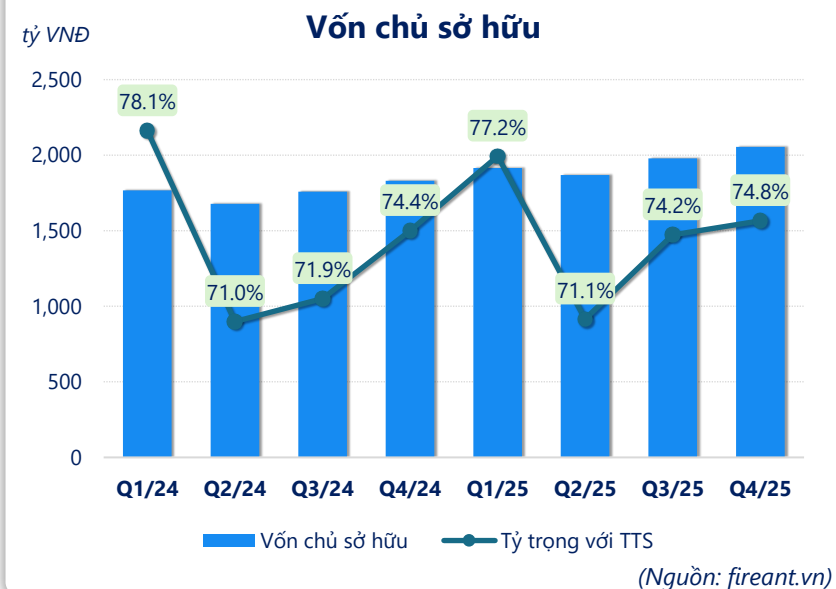
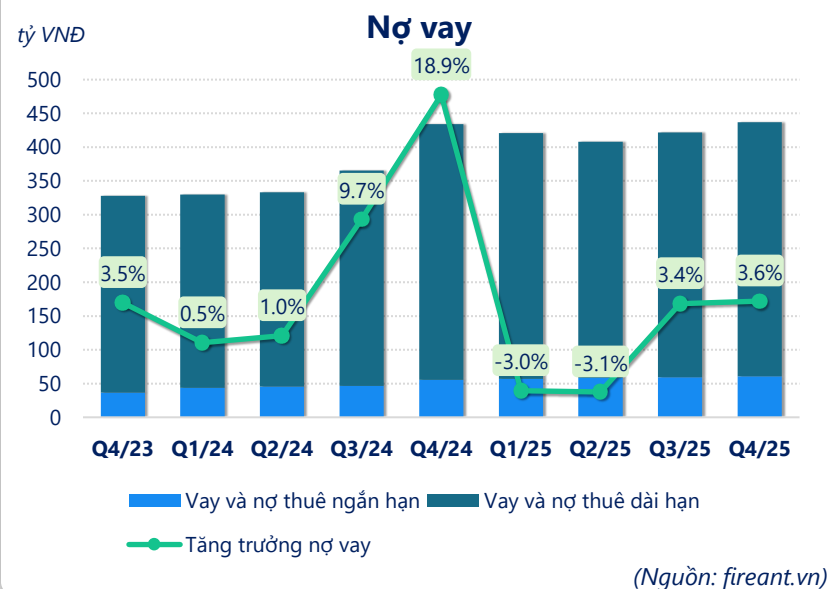
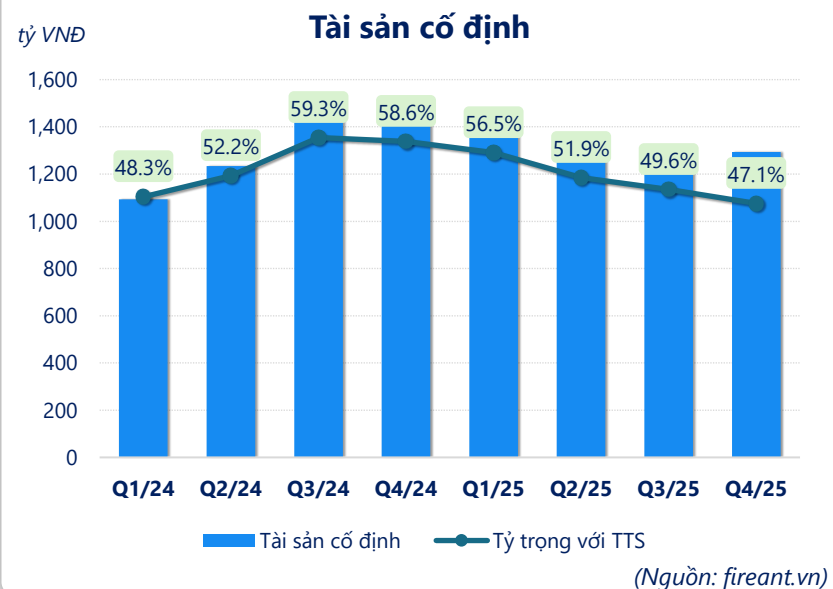
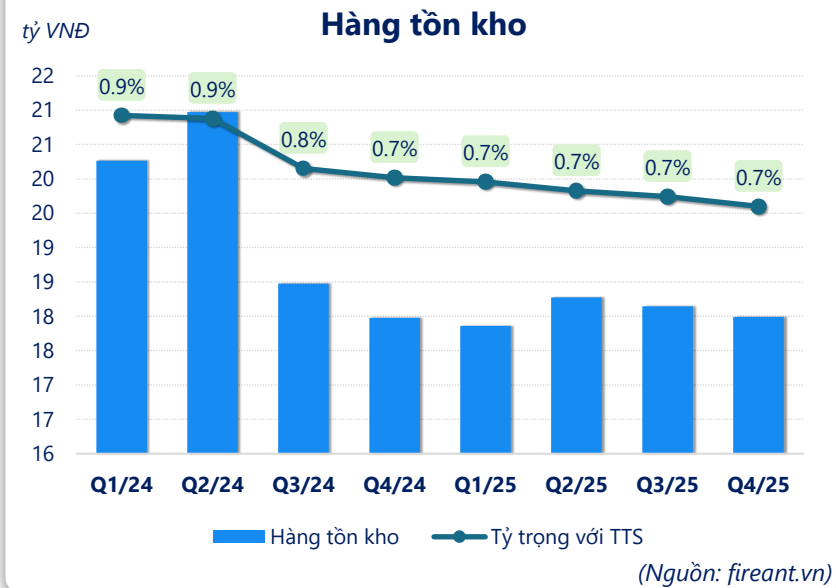
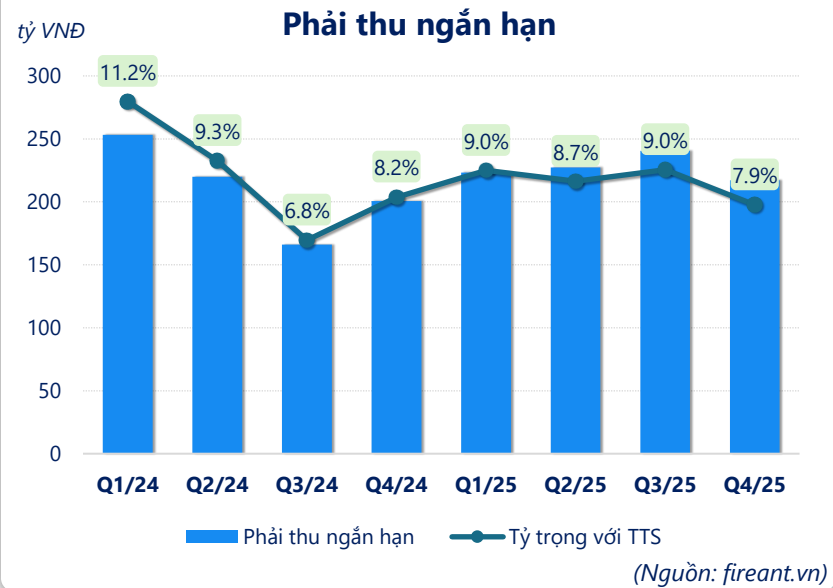
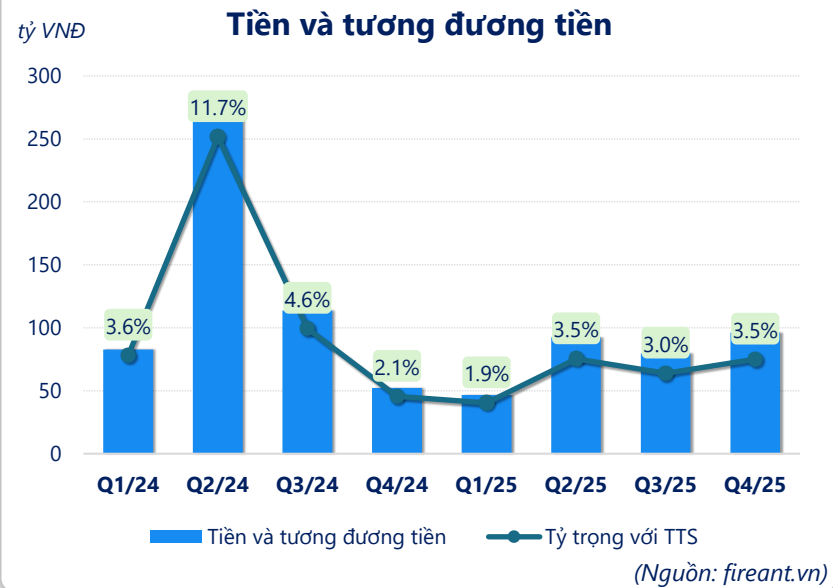
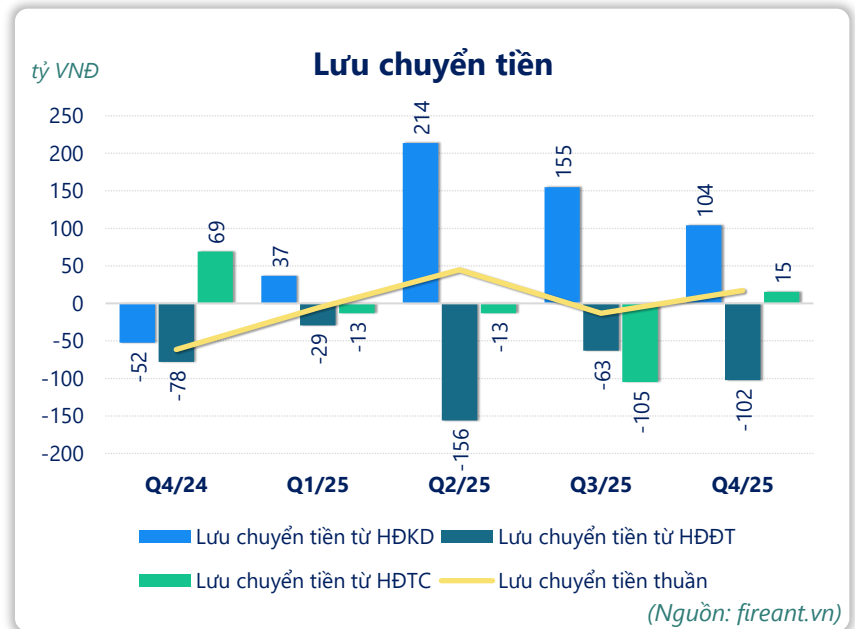
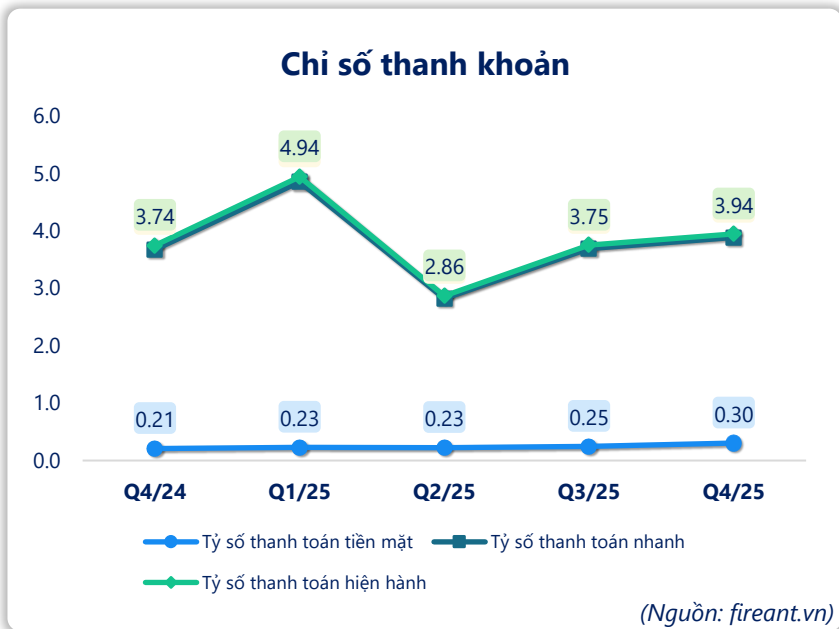
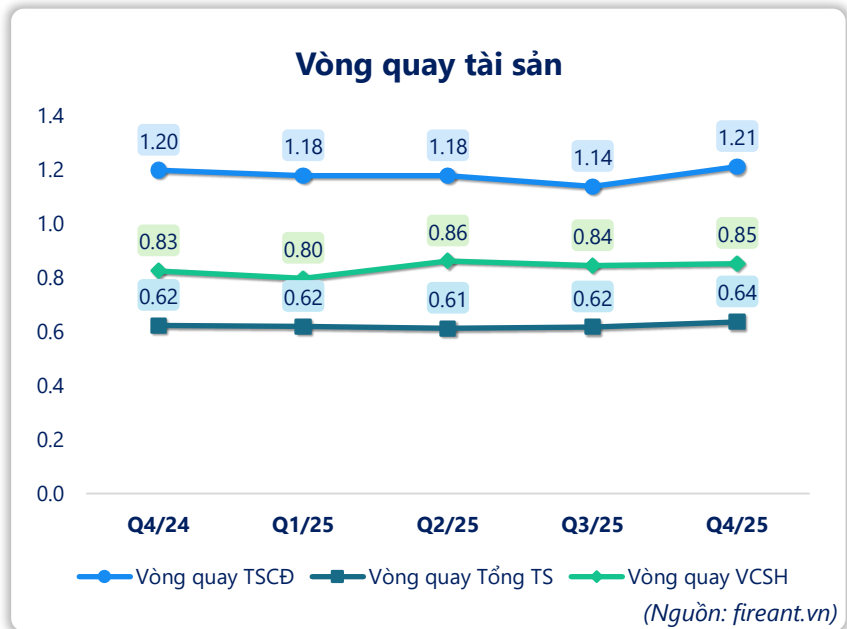
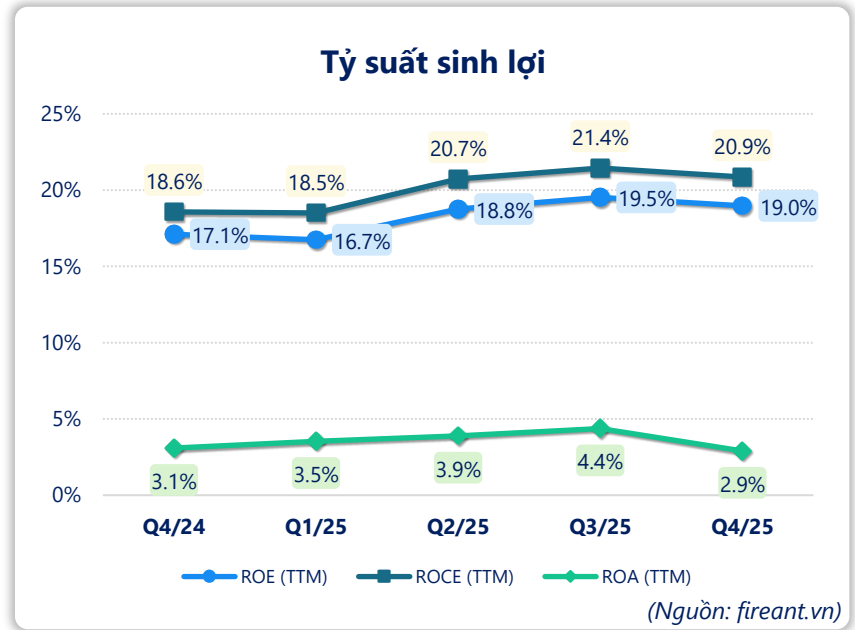
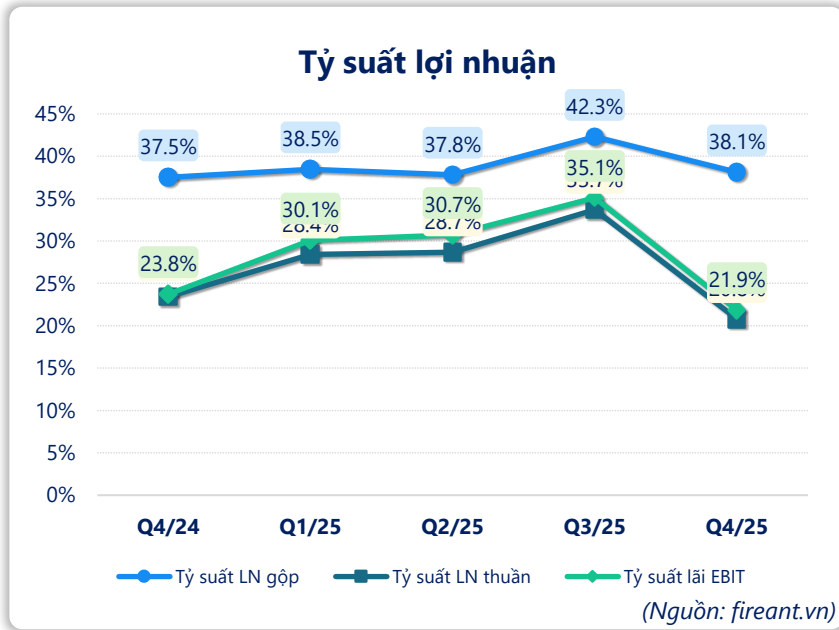
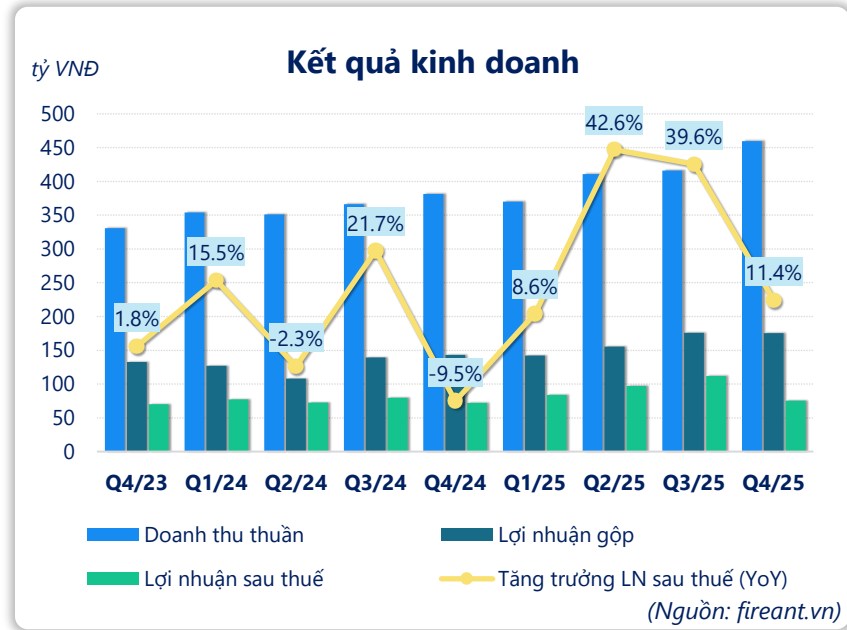


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		32,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,688
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,454
SL cổ phiếu LH		99,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,090
% sở hữu nước ngoài		20.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,257
P/E		8.8
EPS		3,722

	YTD	1T	3T	6T
CDN	0.5%	-2.1%	4.8%	4.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,748	2,460	11.7%
Tài sản ngắn hạn	1,249	940	32.9%
Tiền và tương đương tiền	96.2	52.3	84.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	851	595	43.1%
Phải thu ngắn hạn	217	201	8.3%
Hàng tồn kho	18.0	18.0	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	67.0	74.9	-10.5%
Tài sản dài hạn	1,499	1,520	-1.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,293	1,440	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	158	42.2	273%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.1	32.0	-5.9%
Tài sản dài hạn khác	18.0	5.18	248%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	693	630	10.1%
Nợ ngắn hạn	317	251	26.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.6	55.5	9.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	73.0	60.7	20.3%
Nợ dài hạn	376	379	-0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	376	379	-0.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,055	1,830	12.3%
Vốn chủ sở hữu	2,055	1,830	12.3%
Vốn điều lệ	990	990	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	381	370	411	416	460
Giá vốn hàng bán	238	228	255	240	284
Lợi nhuận gộp	143	142	155	176	175
Doanh thu HĐTC	8.82	8.13	15.3	12.0	10.2
Chi phí TC	5.76	6.45	6.08	5.92	5.81
Chi phí lãi vay	0.68	6.12	6.05	5.87	5.65
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.6	2.92	2.23	2.82	15.4
Chi phí QLDN	45.2	35.9	44.6	39.1	68.6
LN thuần từ HĐKD	89.3	105	118	140	95.6
Lợi nhuận khác	0.59	0.02	2.38	-0.03	-0.77
LN trước thuế	89.9	105	120	140	94.8
Lợi nhuận sau thuế	72.0	84.1	97.1	112	75.6
LNST của CĐ cty mẹ	72.0	84.1	97.1	112	75.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-52.4	36.6	214	155	104
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-78.0	-29.3	-156	-63.1	-102
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	68.9	-13.2	-13.2	-105	15.2
Tiền đầu kỳ	114	52.3	46.7	92.3	79.6
Lưu chuyển tiền thuần	-61.5	-5.82	44.7	-13.2	17.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.13	0.29	0.82	0.53	-0.37
Tiền cuối kỳ	52.3	46.7	92.3	79.6	96.2

(Nguồn: fireant.vn)